

**PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****BỘ LAO ĐỘNG -  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2010/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2010

**THÔNG TƯ****Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc nhóm nghề Nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Khai thác, đánh bắt hải sản; Sinh vật cảnh; Làm vườn - cây cảnh;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng:**

Thông tư này quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên

nghiệp (sau đây gọi chung là Cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

## **Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm:**

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Khai thác, đánh bắt hải sản” (Phụ lục 1);
2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Sinh vật cảnh” (Phụ lục 2);
3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Làm vườn - cây cảnh” (Phụ lục 3).

## **Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề**

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký;
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**Đàm Hữu Đắc**

**Phụ lục 1****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,  
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ  
CHO NGHỀ “KHAI THÁC, ĐÁNH BẮT HẢI SẢN”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**Phụ lục 1A****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Khai thác, đánh bắt hải sản

Mã nghề: 40620703

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;  
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Hiểu được cấu tạo và cách tính toán để thi công các dụng cụ khai thác, đánh bắt hải sản;
- + Biết được các tính năng hàng hải chủ yếu của tàu thuyền;
- + Biết được cấu tạo, tác dụng của các trang thiết bị thuộc bộ phận boong trên tàu cá;
- + Hiểu được các bước tiến hành trong quá trình khai thác, đánh bắt hải sản bằng các nghề cụ thể;
- + Hiểu được các quy định an toàn lao động trên tàu cá;
- + Biết phương pháp kiểm tra chất lượng và bảo quản sản phẩm sau khi khai thác, đánh bắt;



- + Biết được công tác vệ sinh trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản.
- Kỹ năng:
  - + Lắp ráp được vàng lưới và các trang thiết bị;
  - + Điều khiển được tàu hành trình và khai thác, đánh bắt hải sản;
  - + Sử dụng được các trang thiết bị thuộc bộ phận boong trên tàu cá;
  - + Thao tác được các công việc trong quá trình khai thác, đánh bắt hải sản bằng các nghề cụ thể;
  - + Thực hiện được các quy định an toàn lao động trên tàu cá;
  - + Kiểm tra được chất lượng và bảo quản được sản phẩm sau khai thác, đánh bắt;
  - + Thực hiện được công tác vệ sinh trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản.

## 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
  - + Nhận thức lý luận: Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nêu được phương hướng phát triển của ngành;
  - + Phẩm chất đạo đức: Có đức tính cần cù, giản dị, khiêm tốn, trung thực, có kỷ luật, tinh thần tập thể, yêu nghề, hăng hái rèn luyện và học tập, có khả năng lao động không ngừng vươn lên.
- Thể chất và quốc phòng:
  - + Có đủ sức khỏe để làm việc lâu dài theo yêu cầu của nghề;
  - + Nêu được kiến thức cơ bản và thực hiện được các kỹ năng quốc phòng phổ thông.
  - + Có khả năng chiến đấu, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc.

## 3. Cơ hội việc làm:

Sau khi học xong, học sinh tham gia vào các hoạt động đánh bắt hải sản và các dịch vụ khác có liên quan ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghề cá thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đảm nhiệm được chức danh thủy thủ, thủy thủ trưởng trên tàu cá.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

### 1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần



- Thời gian thực học tối thiểu: 2690 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 150 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2480 giờ bao gồm:
  - + Thời gian học bắt buộc: 1750 giờ; Thời gian học tự chọn: 730 giờ
  - + Thời gian học lý thuyết: 680 giờ; Thời gian học thực hành: 1800 giờ

3. Thời gian học các môn văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ.

(Danh mục các môn văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

### III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	1750	500	1115	135
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	500	290	160	50

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 07	Nguyên lý tàu thuyền	40	25	10	5
MH 08	Khí tượng thủy văn	30	20	5	5
MH 09	Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển	60	45	10	5
MH 10	Pháp luật chuyên ngành	30	20	5	5
MH 11	Ngư trường và ngư loại	40	30	5	5
MH 12	Nghiệp vụ thuyền viên	120	60	50	10
MH 13	Vật liệu và chế tạo ngư cụ	140	60	70	10
MH 14	An toàn lao động	40	30	5	5
II.2	Các môn học, mô đun kỹ thuật chuyên môn nghề	1250	210	955	85
MH 15	Máy khai thác	60	40	15	5
MH 16	Hàng hải địa văn	140	60	70	10
MH 17	Máy điện và vô tuyến điện hàng hải	90	40	40	10
MH 18	Bảo quản và sơ chế sản phẩm hải sản	50	30	15	5
MĐ 19	Điều động tàu	110	10	90	10
MĐ 20	Khai thác hải sản bằng lưới rê	50	5	40	5
MĐ 21	Khai thác hải sản bằng lưới vây	70	5	60	5
MĐ 22	Khai thác hải sản bằng lưới kéo	150	10	130	10
MĐ 23	Khai thác mực bằng lưới chụp	50	5	40	5
MĐ 24	Thực tập sản xuất tại cơ sở	480	5	455	20
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1960</b>	<b>606</b>	<b>1202</b>	<b>152</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

## 1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Xử lý các sự cố hàng hải	60	30	25	5
MĐ 26	Câu cá Ngư đại dương	50	5	40	5
MH 27	Kinh tế thủy sản	80	50	25	5
MH 28	Luật Giao thông đường thủy nội địa	60	30	25	5
MH 29	Môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	60	30	25	5
MĐ 30	Sử dụng máy xác định vị trí tàu bằng vệ tinh	60	5	50	5
MĐ 31	Khai thác hải sản bằng lưới đáy	60	5	50	5
MĐ 32	Khai thác tôm bằng lưới rê	60	5	50	5
MĐ 33	Khai thác hải sản bằng lưới đăng	60	5	50	5
MĐ 34	Khai thác hải sản bằng lưới rùng	60	5	50	5
MĐ 35	Khai thác cá bằng lưới rê ba lớp	60	5	50	5
MH 36	Sử dụng máy đo sâu, dò cá	60	5	50	5
MH 37	Tin học ứng dụng khai thác, đánh bắt hải sản	60	5	50	5
MĐ 39	Khai thác cua, ghẹ bằng lưới bẫy	60	5	50	5
MĐ 40	Sử dụng radar hàng hải	60	5	50	5
MĐ 41	Tiếng Anh chuyên ngành	80	25	50	5
MĐ 42	Sử dụng máy thông tin liên lạc	60	15	40	5



1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, Thực hành chiếm từ 70% đến 85%;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 12 trong 17 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Xử lý các sự cố hàng hải	60	30	25	5
MĐ 26	Câu cá Ngừ đại dương	50	5	40	5
MH 27	Kinh tế thủy sản	80	50	25	5
MH 28	Luật Giao thông đường thủy nội địa	60	30	25	5
MH 29	Môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	60	30	25	5
MĐ 30	Sử dụng máy xác định vị trí tàu bằng vệ tinh	60	5	50	5
MĐ 31	Khai thác hải sản bằng lưới đáy	60	5	50	5
MĐ 32	Khai thác tôm bằng lưới rê	60	5	50	5
MĐ 33	Khai thác hải sản bằng lưới đăng	60	5	50	5
MĐ 34	Khai thác hải sản bằng lưới rùng	60	5	50	5
MĐ 35	Khai thác cá bằng lưới rê ba lớp	60	5	50	5
MĐ 36	Sử dụng máy đo sâu, dò cá	60	5	50	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>730</b>	<b>180</b>	<b>490</b>	<b>60</b>

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và điều kiện của nhà trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐT BXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết tự luận Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)



Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 h/ngày
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện).

- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động Đoàn; các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, các câu lạc bộ tin học, ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý;

- Có thể lựa chọn các mô đun đào tạo nghề có trong chương trình khung để xây dựng các chương trình dạy nghề trình độ Sơ cấp nghề tùy theo nhu cầu của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học dễ dàng học liên thông lên trình độ Trung cấp nghề./.



**Phụ lục 1B****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Khai thác, đánh bắt hải sản

Mã nghề: 50620703

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 40

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Hiểu được cấu tạo và cách tính toán để thi công các dụng cụ khai thác, đánh bắt hải sản;

+ Hiểu được các tính năng hàng hải chủ yếu của tàu thuyền;

+ Hiểu được cấu tạo, tác dụng của các trang thiết bị thuộc bộ phận boong trên tàu cá;

+ Hiểu được nguyên lý hoạt động của các máy điện, vô tuyến điện hàng hải trên tàu cá;

+ Phân tích được các bước tiến hành trong quá trình khai thác, đánh bắt hải sản bằng các nghề cụ thể;

+ Vận dụng được các quy định an toàn lao động trên tàu cá;

+ Hiểu được phương pháp kiểm tra chất lượng và bảo quản sản phẩm sau khi khai thác, đánh bắt;

+ Đánh giá được công tác vệ sinh trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản;

+ Hiểu được cách tổ chức sản xuất và hạch toán kinh tế trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản.

- Kỹ năng:

+ Lắp ráp thành thạo vàng lưới và các trang thiết bị;

- + Điều khiển tàu thuận thực khi tàu hành trình và khai thác, đánh bắt hải sản;
- + Sử dụng thành thạo các trang thiết bị thuộc bộ phận boong trên tàu cá;
- + Sử dụng thành thạo các máy điện, vô tuyến điện hàng hải trên tàu cá;
- + Thao tác thuận thực các công việc trong quá trình khai thác, đánh bắt hải sản;
- + Thực hiện đúng các quy định an toàn lao động trên tàu cá;
- + Kiểm tra chính xác được chất lượng của sản phẩm và bảo quản tốt sản phẩm sau khi khai thác, đánh bắt;
- + Thực hiện được công tác vệ sinh trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản;
- + Tổ chức được sản xuất và hạch toán kinh tế trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản.

## 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

### - Chính trị, đạo đức:

+ Nhận thức lý luận: Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Nêu được đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, phương châm đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật, phương hướng phát triển của ngành;

+ Phẩm chất đạo đức: Có đức tính cần cù, giản dị, khiêm tốn, trung thực, có kỷ luật, tinh thần tập thể, yêu nghề, hăng hái rèn luyện và học tập, có khả năng lao động sáng tạo, không ngừng vươn lên hoàn thiện nhân cách.

### - Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế để làm việc lâu dài theo yêu cầu của nghề và áp dụng các phương pháp rèn luyện thân thể để đảm bảo có đủ sức khỏe làm việc lâu dài trong nghề khai thác, đánh bắt hải sản;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc.

## 3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên tham gia vào các hoạt động đánh bắt hải sản và các dịch vụ khác có liên quan ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghề cá thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được chức danh thủy thủ trưởng hoặc thuyền phó trên tàu khai thác hải sản.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm.
- Thời gian học tập: 131 tuần.
- Thời gian thực học tối thiểu: 3810 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian học tối thiểu:

- Thời gian học môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3370 giờ, trong đó:
  - + Thời gian học bắt buộc: 2660 giờ; Thời gian học tự chọn: 710 giờ
  - + Thời gian học lý thuyết: 1085 giờ; Thời gian học thực hành: 2285 giờ

## III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	2660	865	1620	175
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	870	430	375	65
MH 07	Hình họa, Vẽ kỹ thuật	90	40	40	10
MH 08	Nguyên lý tàu thuyền	60	30	25	5



Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 09	Cơ sở kỹ thuật điện và vô tuyến điện	90	45	40	5
MH 10	Khí tượng thủy văn	60	30	25	5
MH 11	Quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển	100	50	40	10
MH 12	Pháp luật chuyên ngành	60	30	25	5
MH 13	Ngư trường và ngư loại	70	35	30	5
MH 14	Nghiệp vụ thuyền viên	160	80	70	10
MH 15	Vật liệu và chế tạo ngư cụ	180	90	80	10
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1790	435	1245	110
MH 16	Máy khai thác	90	40	40	10
MH 17	Hàng hải địa văn	170	85	75	10
MH 18	An toàn lao động	60	30	25	5
MH 19	Máy điện và vô tuyến điện hàng hải	100	50	40	10
MH 20	Bảo quản và sơ chế sản phẩm hải sản	70	35	30	5
MH 21	Pháp chế hàng hải	60	30	25	5
MH 22	Kinh tế thủy sản	90	45	35	10
MĐ 23	Điều động tàu	100	20	70	10
MĐ 24	Khai thác hải sản bằng lưới rê	80	10	65	5
MĐ 25	Khai thác hải sản bằng lưới vây	90	20	65	5
MĐ 26	Khai thác hải sản bằng lưới kéo	150	30	110	10
MĐ 27	Khai thác mực bằng lưới chụp	80	10	65	5
MĐ 28	Câu cá Ngừ đại dương	80	10	65	5
MĐ 29	Sử dụng máy xác định vị trí tàu bằng vệ tinh	90	15	70	5
MĐ 30	Thực tập sản xuất tại cơ sở	480	5	465	10
Tổng cộng		3100	1085	1840	205

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền, của từng địa phương;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở dạy nghề của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;  
+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun nghề tự chọn đề xuất:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Xử lý các sự cố hàng hải	60	30	25	5
MH 32	Luật Giao thông đường thủy nội địa	80	40	35	5
MH 33	Khai thác tàu	60	30	25	5
MH 34	Chức trách thuyền viên	60	30	25	5
MĐ 35	Khai thác hải sản bằng lưới đáy	70	10	55	5
MĐ 36	Khai thác hải sản bằng lồng, bẫy	70	10	55	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 37	Sử dụng máy đo sâu, dò cá	90	15	70	5
MĐ 38	Sử dụng máy lái tự động	70	10	55	5
MĐ 39	Sử dụng máy thông tin liên lạc	90	15	70	5
MH 40	Hàng hải thiên văn	60	10	55	5
MH 41	Tiếng Anh chuyên ngành	110	55	45	10
MH 42	Tin học ứng dụng khai thác thủy sản	90	45	40	5
MH 43	Môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	60	30	25	05
MĐ 44	Sử dụng radar hàng hải	90	15	70	5
MĐ 45	Sử dụng máy vô tuyến tầm phương	70	10	55	5
MĐ 46	Khai thác cá bằng chà rạo kết hợp ánh sáng	70	10	55	5
MĐ 47	Khai thác tôm bằng lưới rê	70	10	55	5
MĐ 48	Khai thác bằng lưới đăng	70	10	55	5
MĐ 49	Khai thác hải sản bằng lưới rùng	70	10	55	5
MĐ 50	Khai thác hải sản bằng lưới rê ba lớp	70	10	55	5

### 1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; Thực hành chiếm từ 65% đến 75%;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 10 trong 20 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:



Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Xử lý các sự cố hàng hải	60	30	25	5
MH 32	Luật Giao thông đường thủy nội địa	80	40	35	5
MH 33	Khai thác tàu	60	30	25	5
MH 34	Chức trách thuyền viên	60	30	25	5
MĐ 35	Khai thác hải sản bằng lưới đáy	70	10	55	5
MĐ 36	Khai thác hải sản bằng lồng, bẫy	70	10	55	5
MĐ 37	Sử dụng máy đo sâu, dò cá	90	15	70	5
MĐ 38	Sử dụng máy lái tự động	70	10	55	5
MĐ 39	Sử dụng máy thông tin liên lạc	90	15	70	5
MH 40	Môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	60	30	25	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>710</b>	<b>220</b>	<b>440</b>	<b>50</b>

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và điều kiện của nhà trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;
- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết tự luận Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề	Bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm.	Từ 1 đến 3 ngày không quá 8 h/ngày
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động Đoàn; các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, các câu lạc bộ tin học, ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

#### 4. Các chú ý khác:

- Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý;

- Có thể lựa chọn các mô đun đào tạo nghề có trong chương trình khung để xây dựng các chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề tùy theo nhu cầu của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học dễ dàng học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và Cao đẳng nghề./.



**Phụ lục 2****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,  
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ  
CHO NGHỀ “SINH VẬT CẢNH”***(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BLĐTBXH**ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)***Phụ lục 2A****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Sinh vật cảnh

Mã nghề: 40620401

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:****- Kiến thức:**

+ Trình bày được khái niệm, chức năng, nội dung, nguyên tắc sinh vật cảnh. Các phương pháp nhân giống cây trồng, điều chỉnh sinh trưởng và phát triển, các loại đất và kỹ thuật làm đất, phân bón và bón phân, phòng trừ dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, cây xanh cây bóng mát;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về an toàn lao động trong nghề sinh vật cảnh và an toàn lao động của nước ta hiện nay;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp lệnh về trồng trọt nước, văn bản bảo vệ thực vật, giống cây trồng, kiểm dịch động thực vật, khai thác và quản lý tài nguyên;

+ Mô tả được nguyên tắc hoạt động, tính năng công dụng và quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề Sinh vật cảnh;

+ Mô tả được các bước trong tiến trình sản xuất cây hoa, cây cảnh, cây xanh cây bóng mát, sưu tầm chế tác đá cảnh, gỗ lũa, thiết kế vườn cảnh, nuôi dưỡng chăm sóc động vật cảnh đến tiêu thụ sản phẩm Sinh vật cảnh;

+ Nêu lại được những kiến thức mỹ thuật đại cương, quy ước thẩm mỹ, sinh lý cây trồng để cắt tỉa, uốn nắn, tạo hình, đánh chuyên cho cây hoa, cây cảnh, cây cảnh nghệ thuật và cây xanh cây bóng mát;

+ Mô tả được các bước trong tiến trình tạo dựng, chế tác chậu cảnh, non bộ - tiểu cảnh, đá cảnh và gỗ lũa đáp ứng những quy ước về thẩm mỹ và văn hóa.

- Kỹ năng:

+ Tạo dựng và chế tác non bộ, tiểu cảnh, gỗ lũa, đá cảnh đúng yêu cầu kỹ thuật đảm bảo văn hóa, giáo dục, thẩm mỹ;

+ Thực hiện được các phương pháp nhân giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, cây xanh cây bóng mát đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây hoa, cây cảnh, cây xanh cây bóng mát. Cũng như nuôi dưỡng chăm sóc động vật cảnh, tạo dựng và chế tác đá cảnh, gỗ lũa, non bộ - tiểu cảnh;

+ Thực hiện được việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho các cán bộ có chuyên môn thấp hơn, hoặc nông dân;

+ Vận hành và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, nhà xưởng trong nghề Sinh vật cảnh.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Có ý thức về truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

- + Trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ trong quá trình thực hiện thao tác phân tích;
- + Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- + Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;
- + Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Thể chất và quốc phòng:
  - + Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;
  - + Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: thể dục buổi sáng, điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;
  - + Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;
  - + Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn để biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

### 3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề sinh vật cảnh làm việc trực tiếp tại nông hộ, trang trại và các cơ sở, doanh nghiệp môi trường đô thị, công viên cây xanh.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

### 1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

### 2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ.
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ.



+ Thời gian học bắt buộc: 1830 giờ; Thời gian học tự chọn: 510 giờ.

+ Thời gian học lý thuyết: 545 giờ; Thời gian học thực hành: 1285 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm nhằm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

### III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn chung</b>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun bắt buộc</b>	1830	519	1189	122
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	525	321	169	35
MH 07	Đại cương sinh vật cảnh	150	96	44	10
MH 08	An toàn lao động	30	14	14	2
MH 09	Mỹ thuật đại cương	60	40	16	4
MH 10	Bảo vệ môi trường	45	26	16	3
MH 11	Cơ khí nông nghiệp	45	19	23	3
MH 12	Pháp luật chuyên ngành	30	20	8	2
MH 13	Quản trị doanh nghiệp	60	40	16	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 14	Khí tượng nông nghiệp	45	26	16	3
MH 15	Đại cương khoáng vật và đá	60	40	16	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1305	198	1020	87
MĐ 16	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	30	6	22	2
MĐ 17	Sản xuất giống hoa - cây cảnh	60	12	44	4
MĐ 18	Sản xuất cây hoa	90	16	68	6
MĐ 19	Sản xuất hoa công nghệ cao	45	10	32	3
MĐ 20	Sản xuất cây cảnh	75	14	56	5
MĐ 21	Sản xuất cây cảnh nghệ thuật	90	16	68	6
MĐ 22	Trồng, chăm sóc cây bóng mát	45	10	32	3
MĐ 23	Sưu tầm, chế tác đá cảnh	75	18	52	5
MĐ 24	Sưu tầm, chế tác gỗ lũa	75	18	52	5
MĐ 25	Nuôi dưỡng, chăm sóc động vật cảnh	45	10	32	3
MĐ 26	Thiết kế vườn cảnh	60	16	40	4
MĐ 27	Tạo dựng non bộ - tiểu cảnh	60	8	48	4
MĐ 28	Sản xuất chậu cảnh xi măng	60	8	48	4
MH 29	Tiêu thụ sản phẩm	30	8	20	2
MĐ 30	Bảo trì dụng cụ, trang thiết bị	60	8	48	4
MĐ 31	Ngoại khóa chuyên môn	60	8	48	4
MĐ 32	Thực tập tại cơ sở	345	12	310	23
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2040</b>	<b>625</b>	<b>1276</b>	<b>139</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

## V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 33	Du lịch sinh thái sinh vật cảnh	60	28	28	4
MH 34	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	28	28	4
MH 35	Tổ chức hội thi hoa - cây cảnh	60	28	28	4
MĐ 36	Trồng và chăm sóc cây cảnh trong nhà	90	16	68	6
MĐ 37	Dịch vụ chăm sóc, duy trì cây cảnh, vườn cảnh	90	16	68	6
MĐ 38	Dịch vụ bảo vệ thực vật cây cảnh	90	16	68	6
MĐ 39	Sản xuất chậu bằng khuôn đúc	90	16	68	6
MĐ 40	Kinh doanh vật tư trong lĩnh vực sinh vật cảnh	90	16	68	6

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ trung cấp nghề Sinh vật cảnh là 510 giờ, chiếm 20% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng miền, các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 660 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho phù hợp với các vùng, miền;

- Ví dụ: Thời gian dành cho các môn học tự chọn là 510 giờ có thể lựa chọn 5 mô đun và 01 môn học theo bảng sau:



Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 33	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	28	28	4
MĐ 34	Trồng và chăm sóc cây cảnh trong nhà	90	16	68	6
MĐ 35	Dịch vụ chăm sóc, duy trì cây cảnh, vườn cảnh	90	16	68	6
MĐ 36	Dịch vụ bảo vệ thực vật cây cảnh	90	16	68	6
MĐ 37	Sản xuất chậu bằng khuôn đúc	90	16	68	6
MĐ 38	Kinh doanh vật tư trong lĩnh vực sinh vật cảnh	90	16	68	6
<b>Tổng cộng</b>		<b>510</b>	<b>108</b>	<b>368</b>	<b>34</b>

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 ngày giờ/học sinh:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Thi lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm  Thi vấn đáp	Không quá 180 phút  Không quá 60 phút (Thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
	- Thi thực hành nghề  - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài tập thực hành kỹ năng tổng hợp của nghề  Bài thi lý thuyết và thực hành	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/học sinh  Không quá 24h/học sinh

09586181

www.ThuVienPhapLuat.com \* Tel: +84-8-3845 6684 \* LawSoft

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra học sinh có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

#### 4. Các chú ý khác:

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ dàng theo dõi quản lý./.



**Phụ lục 2B****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Sinh vật cảnh

Mã nghề: 50620401

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 45

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Giải thích được khái niệm, chức năng, nội dung, nguyên tắc sinh vật cảnh. Các phương pháp nhân giống cây trồng, điều chỉnh sinh trưởng và phát triển, các loại đất và kỹ thuật làm đất, phân bón và bón phân, phòng trừ dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, cây bóng mát.

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về an toàn lao động trong nghề sinh vật cảnh và an toàn lao động của nước ta hiện nay;

+ Phân tích được những nội dung về mỹ thuật đại cương, quy ước thẩm mỹ, sinh lý cây trồng để cắt tỉa, uốn nắn, tạo hình, đánh chuyển cho cây hoa, cây cảnh, cây cảnh nghệ thuật và cây bóng mát;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp lệnh về trồng trọt, bảo vệ thực vật, giống cây trồng, kiểm dịch động thực vật, khai thác và quản lý tài nguyên;

+ Mô tả được nguyên tắc hoạt động, tính năng công dụng và quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề sinh vật cảnh;

+ Phân tích được đặc điểm cơ bản của các loại khoáng vật, đá để vận dụng trong quá trình sưu tầm, chế tác đá cảnh;

+ Áp dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị doanh nghiệp để thực hiện tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh các sản phẩm sinh vật cảnh;

- + Trình bày được kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học và ứng dụng trong quá trình nhân giống nuôi cấy mô tế bào thực vật;
- + Áp dụng thông tin nghiên cứu chiều hướng thị trường để lập phương án sản xuất kinh doanh các sản phẩm sinh vật cảnh;
- + Áp dụng được các nguyên tắc, quy trình để sản xuất cây hoa, cây hoa công nghệ cao và cây cảnh, cây cảnh nghệ thuật đáp ứng quy ước thẩm mỹ, văn hóa, tạo dựng, chế tác chậu cảnh, non bộ - tiểu cảnh, đá cảnh và gỗ lũa đáp ứng những quy ước về thẩm mỹ và văn hóa;
- + Mô tả các bước, lưu ý trong từng bước thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng động vật cảnh.
- Kỹ năng:
  - + Vẽ được bố cục vườn ươm, hình dạng cây cảnh, non bộ tiểu cảnh, đá cảnh, gỗ lũa, chậu cảnh để thực hiện lập kế hoạch sản xuất, tạo dựng và chế tác;
  - + Thực hiện thành thạo các thao tác trong nhân giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, cây bóng mát đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;
  - + Lập được kế hoạch và tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong nghề sinh vật cảnh;
  - + Sử dụng được phần mềm chuyên dụng để thiết kế mẫu, mô hình, phân tích, thống kê các kết quả nghiên cứu thị trường, quản lý cây cảnh, cây bóng mát trong cơ sở sản xuất;
  - + Sử dụng thành thạo các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây hoa, cây cảnh, cây bóng mát. Cũng như nuôi dưỡng chăm sóc động vật cảnh, tạo dựng và chế tác chậu cảnh, gỗ lũa, non bộ - tiểu cảnh;
  - + Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho công nhân có trình độ sơ cấp, trung cấp nghề hoặc nông dân;
  - + Phân tích được hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kỳ sản xuất kinh doanh, từ đó đề xuất được các giải pháp áp dụng hiệu quả cho kỳ sản xuất kinh doanh sau;
  - + Vận hành và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, nhà xưởng trong nghề sinh vật cảnh.
- 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:
  - Chính trị, đạo đức:
    - + Vận dụng được những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;



+ Có kiến thức về truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ trong quá trình thực hiện thao tác phân tích;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: thể dục buổi sáng, điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;

+ Tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn thể thao đã được học;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn để vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở;

+ Hình thành tác phong khẩn trương, ngăn nắp và có tính kỷ luật cao trong công tác, sinh hoạt hàng ngày.

3. Cơ hội việc làm:

Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề Sinh vật cảnh có thể quản lý đội sản xuất hoặc làm việc trực tiếp tại nông hộ, trang trại và các cơ sở, doanh nghiệp môi trường đô thị, công viên cây xanh.



## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ.
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ.
- + Thời gian học bắt buộc: 2640 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ.
- + Thời gian học lý thuyết: 822 giờ; Thời gian học thực hành: 1818 giờ.

## III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn chung</b>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	2640	779	1684	177
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	750	455	245	50
MH 07	Đại cương sinh vật cảnh	150	96	44	10
MH 08	An toàn lao động	30	14	14	2

09586181

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 09	Mỹ thuật đại cương	60	40	16	4
MH 10	Bảo vệ môi trường	45	26	16	3
MH 11	Cơ khí nông nghiệp	45	19	23	3
MH 12	Pháp luật chuyên ngành	30	20	8	2
MH 13	Nghiên cứu thị trường	60	28	28	4
MH 14	Công nghệ sinh học đại cương	60	40	16	4
MH 15	Quản trị doanh nghiệp	60	40	16	4
MH 16	Tin học ứng dụng	45	26	16	3
MH 17	Khí tượng nông nghiệp	45	26	16	3
MH 18	Đại cương về khoáng vật và đá	60	40	16	4
MH 19	Khảo sát thiết kế công trình	60	40	16	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1890	324	1439	127
MĐ 20	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	60	20	35	5
MĐ 21	Sản xuất giống hoa - cây cảnh	90	24	60	6
MĐ 22	Vi nhân giống hoa	60	16	40	4
MĐ 23	Sản xuất cây hoa	120	24	88	8
MĐ 24	Sản xuất hoa công nghệ cao	60	16	40	4
MĐ 25	Sản xuất cây cảnh	120	24	88	8
MĐ 26	Sản xuất cây cảnh nghệ thuật	120	16	96	8
MĐ 27	Trồng, chăm sóc cây bóng mát	60	16	40	4
MĐ 28	Sưu tầm, chế tác đá cảnh	90	20	64	6
MĐ 29	Sưu tầm, chế tác gỗ lũa	90	20	64	6
MĐ 30	Nuôi dưỡng, chăm sóc động vật cảnh	60	16	40	4
MĐ 31	Thiết kế vườn cảnh	120	24	88	8
MĐ 32	Tạo dựng non bộ - tiểu cảnh	90	16	68	6
MĐ 33	Sản xuất chậu cảnh xi măng	90	16	68	6
MĐ 34	Tiêu thụ sản phẩm	60	20	36	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 35	Bảo trì dụng cụ, trang thiết bị	60	8	48	4
MĐ 36	Ngoại khóa chuyên môn	60	8	48	4
MĐ 37	Thực tập tại cơ sở	480	20	428	32
	Tổng cộng	3090	999	1884	207

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 38	Du lịch sinh thái sinh vật cảnh	60	28	28	4
MH 39	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	28	28	4
MH 40	Tổ chức hội hoa xuân - cây cảnh	60	28	28	4
MH 41	Tiếng Anh chuyên ngành	60	28	28	4
MĐ 42	Kỹ thuật cắm hoa nghệ thuật	90	16	68	6
MĐ 43	Trồng và chăm sóc cây cảnh trong nhà	90	16	68	6
MĐ 44	Kỹ thuật trồng cây cảnh thủy sinh	90	16	68	6
MĐ 45	Dịch vụ chăm sóc, duy trì cây cảnh, vườn cảnh	90	16	68	6

09586181



Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 46	Dịch vụ bảo vệ thực vật cây cảnh	90	16	68	6
MĐ 47	Sản xuất chậu bằng khuôn đúc	90	16	68	6
MĐ 48	Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo cảnh	90	16	68	6
MĐ 49	Kinh doanh vật tư trong lĩnh vực sinh vật cảnh	90	16	68	6

### 1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Sinh vật cảnh là 660 giờ, chiếm 20% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng miền, các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 660 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho phù hợp với các vùng, miền.

- Ví dụ: Thời gian dành cho các môn học tự chọn là 660 giờ, ta có thể lựa chọn 6 mô đun và 02 môn học theo bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 38	Du lịch sinh thái sinh vật cảnh	60	28	28	4
MH 39	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	28	28	4
MĐ 40	Trồng và chăm sóc cây cảnh trong nhà	90	16	68	6
MĐ 41	Dịch vụ chăm sóc, duy trì cây cảnh, vườn cảnh	90	16	68	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 42	Dịch vụ bảo vệ thực vật cây cảnh	90	16	68	6
MĐ 43	Sản xuất chậu bằng khuôn đúc	90	16	68	6
MĐ 44	Nuôi dưỡng và chăm sóc chó, mèo cảnh	90	16	68	6
MĐ 45	Kinh doanh vật tư trong lĩnh vực sinh vật cảnh	90	16	68	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>660</b>	<b>152</b>	<b>464</b>	<b>44</b>

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 ngày giờ/sinh viên.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thi lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm  Vấn đáp	Không quá 180 phút  Không quá 60 phút (Thời gian cho 1 sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
	- Thi thực hành nghề  - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề  Bài thi lý thuyết và thực hành	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/sinh viên  Không quá 24 giờ/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ Các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần



Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần
6	Tự tổ chức các cuộc thi thiết kế non bộ - tiểu cảnh, vườn cảnh.	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

#### 4. Các chú ý khác:

- Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý;

- Đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: căn cứ vào những nội dung phân tự chọn mà sinh viên đã học ở chương trình trung cấp nghề và căn cứ vào chương trình đào tạo cao đẳng nghề của Cơ sở dạy nghề, sinh viên có thể học một phần hoặc toàn bộ các môn học, mô đun tự chọn./.

**Phụ lục 3****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,  
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ  
CHO NGHỀ “LÀM VƯỜN - CÂY CẢNH”***(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BLĐTBXH**ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)***Phụ lục 3A****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Làm vườn - cây cảnh

Mã nghề: 40620201

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì bổ sung phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:****- Kiến thức:**

+ Trình bày kỹ thuật nhân giống cây trồng, điều chỉnh sinh trưởng và phát triển, các loại đất và kỹ thuật làm đất, phân bón và bón phân, phòng trừ dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, nấm hoa - thảm cỏ, cây xanh, cây bóng mát;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về an toàn lao động trong nghề làm vườn cây cảnh và an toàn lao động của nước ta hiện nay;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp lệnh về trồng trọt, văn bản bảo vệ thực vật, giống cây trồng, kiểm dịch thực vật, khai thác và quản lý tài nguyên;

+ Mô tả được nguyên tắc hoạt động, tính năng công dụng và quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề Làm vườn - cây cảnh;

- + Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị doanh nghiệp để thực hiện tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh các sản phẩm làm vườn - cây cảnh;
- + Trình bày được nguyên tắc và các bước trong tiến trình thực hiện sản xuất giống cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, cây cảnh nghệ thuật, cây bóng mát, nấm hoa, thảm cỏ;
- + Trình bày được các bước trong tiến trình sản xuất cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, cây cảnh nghệ thuật, cây bóng mát, nấm hoa, thảm cỏ;
- Kỹ năng:
  - + Thực hiện được các phương pháp nhân giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, cây cảnh nghệ thuật, cây bóng mát, nấm hoa, thảm cỏ đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;
  - + Sử dụng được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, cây cảnh nghệ thuật, cây bóng mát;
  - + Thực hiện được việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho các công nhân có trình độ sơ cấp hoặc nông dân;
  - + Vận hành và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, nhà xưởng trong nghề Làm vườn - cây cảnh;
  - + Thực hiện kinh doanh sản phẩm làm vườn - cây cảnh;
  - + Lựa chọn và nhân giống cây trồng phù hợp với vùng sinh thái của vùng và nhu cầu thị trường;
  - + Tính toán được hiệu quả kinh tế khi sản xuất các loại cây trồng;
  - + Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình trồng và chăm sóc các loại cây.
- 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:
  - Chính trị, đạo đức:
    - + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;
    - + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
    - + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, lao động có chất lượng và năng suất cao, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp;
    - + Có ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, có ý thức bảo vệ của công, bảo vệ sản xuất;



+ Có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, với gia đình và xã hội, sống và làm việc theo Pháp luật;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số bài thể dục, các môn thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập;

+ Có thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: thể dục buổi sáng, điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn, biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

### 3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, học sinh có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại:

- + Các cơ sở, cơ quan chuyên ngành Nông nghiệp;
- + Các hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình;
- + Cửa hàng sản phẩm nghề vườn và cây cảnh.

## II. THỜI GIAN KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

### 1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ.
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

### 2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1650 giờ; Thời gian học tự chọn: 690 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 604 giờ; Thời gian học thực hành: 1046 giờ

### III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC; THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn chung</b>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	1650	558	1000	92
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	360	223	118	19
MH 07	Sinh lý thực vật	60	37	20	3
MH 08	Giống cây trồng	60	37	20	3
MH 09	Đất và phân bón	60	37	20	3
MH 10	Bảo vệ thực vật đại cương	60	37	20	3
MH 11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	60	37	20	3
MH 12	An toàn lao động	30	18	10	2
MH 13	Bảo vệ môi trường	30	20	8	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1290	335	882	73
MĐ 14	Thiết kế vườn cảnh	150	66	76	8
MĐ 15	Sản xuất giống cây hoa, cây cảnh	90	24	60	6
MĐ 16	Trồng cây hoa	120	46	66	8
MĐ 17	Trồng cây cảnh	90	39	45	6
MĐ 18	Trồng nấm hoa và thảm cỏ	90	24	60	6
MĐ 19	Sản xuất cây cảnh nghệ thuật	120	16	96	8

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Trồng cây trang trí	90	24	60	6
MĐ 21	Trồng cây bóng mát	75	22	48	5
MĐ 22	Duy trì và chăm sóc vườn cảnh	120	40	72	8
MĐ 23	Quản lý và khai thác vườn cảnh	60	20	36	4
MĐ 24	Ngoại khóa chuyên môn	45	5	37	3
MĐ 25	Thực tập tại cơ sở	240	9	226	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1860</b>	<b>664</b>	<b>1087</b>	<b>109</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Khí tượng nông nghiệp	30	14	14	2
MH 27	Công nghệ sinh học đại cương	30	14	14	2
MH 28	Thủy nông	30	15	13	2
MH 29	Hệ canh tác	30	15	13	2
MH 30	Quản trị doanh nghiệp	45	14	29	2
MH 31	Cơ khí nông nghiệp	30	14	14	2



Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 32	Thuốc Bảo vệ thực vật	90	24	60	6
MĐ 33	Non bộ - tiêu cảnh	60	8	48	4
MĐ 34	Sản xuất chậu cảnh xi măng	90	16	68	6
MĐ 35	Trồng cây công nghiệp	120	32	80	8
MĐ 36	Trồng cây thực phẩm	120	36	76	8
MĐ 37	Trồng cây dược liệu	120	36	76	8
MĐ 38	Trồng nấm	90	24	60	6
MĐ 39	Bảo quản chế biến	45	15	27	3
MĐ 40	Trồng cây ăn quả	120	32	80	8
MH 41	Mỹ thuật đại cương	60	28	29	3

### 1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ trung cấp nghề Làm vườn - cây cảnh là 690 giờ, chiếm 30% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền; các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 510 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho phù hợp với các vùng, miền.

- Ví dụ đối với vùng núi phía Bắc có thể lựa chọn như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Sản xuất nấm	90	24	60	6
MĐ 27	Sản xuất chậu cảnh xi măng	90	24	60	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Trồng cây công nghiệp	120	32	80	8
MĐ 29	Trồng cây dược liệu	120	32	80	8
MĐ 30	Trồng cây ăn quả	120	32	80	8
MĐ 31	Non bộ - tiểu cảnh	60	8	48	4
MĐ 32	Thuốc Bảo vệ thực vật	90	24	60	6
	<b>Tổng</b>	<b>690</b>	<b>176</b>	<b>468</b>	<b>46</b>

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/học sinh.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Thi lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/học sinh
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra học sinh có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt thăm quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức tại các điểm văn hóa du lịch, các công ty công viên cây xanh, các khu sinh thái;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)



Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức hội thi các sản phẩm nghề vườn	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

#### 4. Các chú ý khác:

Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho hoạt động thực hành, thực tập:

- Thực hành Làm vườn - cây cảnh: Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

- Thực tập nghề nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.

- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa:

+ Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập tốt nghiệp cuối khóa.

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý./.

**Phụ lục 3B****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Làm vườn - cây cảnh

Mã nghề: 50620201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:****- Kiến thức:**

+ Liệt kê được các bước trong tiến trình nghiên cứu chiều hướng thị trường, lập phương án và tổ chức sản xuất kinh doanh, sản xuất một số loại cây trồng, đến tiêu thụ sản phẩm của nghề Làm vườn - cây cảnh;

+ Trình bày được khái niệm, chức năng, nội dung, các phương pháp nhân giống cây trồng, sinh lý của cây trong từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển, các loại đất và kỹ thuật làm đất, phân bón và kỹ thuật bón phân, quản lý dịch hại cho cây hoa, cây cảnh, nắm hoa - thảm cỏ, cây trang trí, cây hàng rào;

+ Mô tả được nguyên tắc hoạt động, tính năng công dụng và quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề Làm vườn - cây cảnh;

+ Phân tích được những kiến thức cơ sở và chuyên môn của nghề Làm vườn - cây cảnh từ đó vận dụng vào quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm của nghề Làm vườn - cây cảnh;

+ Mô tả được các bước thực hiện sản xuất, kinh doanh cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, cây bóng mát, cây cảnh nghệ thuật và nắm hoa thảm cỏ.

**- Kỹ năng:**

+ Lập được kế hoạch và tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong nghề Làm vườn - cây cảnh;

+ Lựa chọn và nhân giống cây trồng phù hợp với vùng sinh thái và nhu cầu thị trường;

+ Thiết kế, xây dựng vườn cảnh, nấm hoa - thảm cỏ đúng yêu cầu kỹ thuật đảm bảo tính ứng dụng và thẩm mỹ;

+ Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong quy trình trồng, chăm sóc và duy trì cây hoa, cây cảnh, cây bóng mát, nấm hoa thảm cỏ, cây trang trí, cây hàng rào;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các khâu trong quy trình kỹ thuật canh tác: cung cấp nước, phun thuốc, làm đất, điều chỉnh sinh trưởng cho cây trồng;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây hoa, cây cảnh, cây trang trí, cây cảnh nghệ thuật, cây bóng mát;

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho công nhân có trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề hoặc nông dân;

+ Quản lý quá trình sản xuất, kinh doanh trong nghề làm vườn cây cảnh đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường.

## 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, về thành tựu và định hướng phát triển của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, lao động có chất lượng và năng suất cao, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp;

+ Có ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, có ý thức bảo vệ của công, bảo vệ sản xuất;

+ Có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, với gia đình và xã hội, sống và làm việc theo Pháp luật;

+ Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Hiểu biết một số phương pháp tập luyện phù hợp với nghề, có thói quen rèn luyện thân thể;

+ Đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định của nghề đào tạo;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;



+ Tham gia, làm trọng tài các môn thể thao đã được học.

### 3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ làm việc tại:

- + Các cơ sở, cơ quan chuyên ngành nông nghiệp;
- + Các hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình;
- + Cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm nghề vườn, cây cảnh ở quy mô hợp lý;
- + Quản lý các đội sản xuất.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

### 1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ).

### 2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ.
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ.
- + Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 731 giờ; Thời gian học thực hành: 1579 giờ.

## III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn chung</b>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Trong đó			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	<b>2310</b>	<b>669</b>	<b>1517</b>	<b>124</b>
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	465	282	158	25
MH 07	Sinh lý thực vật	60	37	20	3
MH 08	Giống cây trồng	60	37	20	3
MH 09	Đất và phân bón	60	37	20	3
MH 10	Bảo vệ thực vật đại cương	60	37	20	3
MH 11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	60	37	20	3
MH 12	Bảo vệ môi trường	45	27	16	2
MH 13	Pháp luật chuyên ngành	30	20	8	2
MH 14	An toàn lao động	30	14	14	2
MH 15	Nghiên cứu thị trường	60	36	20	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1845	387	1359	99
MĐ 16	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	60	20	35	5
MĐ 17	Thiết kế vườn cảnh	180	54	118	8
MĐ 18	Sản xuất giống cây hoa, cây cảnh	90	24	60	6
MĐ 19	Trồng cây cảnh	150	28	112	10
MĐ 20	Trồng cây bóng mát	90	24	60	6
MĐ 21	Trồng cây hoa	150	25	115	10
MĐ 22	Trồng hoa công nghệ cao	90	28	56	6
MĐ 23	Trồng nấm hoa và thảm cỏ	120	40	72	8
MĐ 24	Sản xuất cây cảnh nghệ thuật	120	16	96	8

09586181

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Trồng cây trang trí	120	40	72	8
MĐ 26	Duy trì và chăm sóc vườn cảnh	120	40	72	8
MĐ 27	Quản lý và khai thác vườn cảnh	60	20	36	4
MĐ 28	Bảo trì dụng cụ, trang thiết bị	60	8	48	4
MĐ 29	Ngoại khóa chuyên môn	60	5	52	3
MĐ 30	Thực tập tại cơ sở	375	15	355	5
Tổng cộng		2760	889	1717	154

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Tin học ứng dụng	60	28	29	3
MH 32	Kinh tế Làm vườn - cây cảnh	60	28	29	3
MH 33	Quản trị doanh nghiệp	60	28	29	3
MH 34	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	28	29	3
MH 35	Tiếng Anh chuyên ngành	60	28	29	3



Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 36	Mỹ thuật đại cương	60	28	29	3
MĐ 37	Cắm hoa nghệ thuật	90	24	60	6
MĐ 38	Kỹ thuật trồng cây thủy sinh	90	24	60	6
MĐ 39	Non bộ - tiểu cảnh	90	24	60	6
MĐ 40	Vi nhân giống hoa	90	24	60	6
MĐ 41	Thuốc bảo vệ thực vật	90	24	60	6
MĐ 42	Sản xuất chậu cảnh xi măng	90	24	60	6
MĐ 43	Trồng cây dược liệu	120	40	72	8
MĐ 44	Trồng cây ăn quả	120	40	72	8
MĐ 45	Trồng cây công nghiệp	120	40	72	8
MĐ 46	Trồng cây thực phẩm	120	40	72	8
MĐ 47	Trồng nấm	120	40	72	8
MH 48	Công nghệ sinh học đại cương	60	40	16	4
MH 49	Cơ khí nông nghiệp	45	19	23	3

### 1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Làm vườn cây cảnh là 990 giờ, chiếm 30% tổng thời gian thực học tối thiểu;

- Vì vậy, ngoài nội dung chi tiết của các mô đun, môn học tự chọn mà chương trình khung đã biên soạn, tùy theo yêu cầu đặc thù của vùng, miền; các Cơ sở dạy nghề có thể chọn các mô đun, môn học mà chương trình đã giới thiệu; hoặc xây dựng thêm các môn học, mô đun mới phù hợp đưa vào giảng dạy; hoặc có thể chỉ chọn 1 hoặc 2 mô đun chuyên sâu rồi bổ sung thêm nội dung, thời lượng sao cho tối thiểu là 660 giờ (trong đó thực hành ít nhất là 65%) để giảng dạy cho phù hợp với các vùng, miền.

- Ví dụ đối với vùng núi phía Bắc:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Tin học ứng dụng	60	28	29	3
MH 32	Quản trị doanh nghiệp	60	28	29	3
MH 33	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	28	29	3
MH 34	Mỹ thuật đại cương	60	28	29	3
MĐ 35	Cắm hoa nghệ thuật	90	24	60	6
MĐ 36	Non bộ - tiểu cảnh	90	24	60	6
MĐ 37	Sản xuất chậu cảnh xi măng	90	24	60	6
MĐ 38	Trồng cây dược liệu	120	40	72	8
MĐ 39	Trồng cây ăn quả	120	40	72	8
MĐ 40	Trồng cây thực phẩm	120	40	72	8
MĐ 41	Trồng nấm	120	40	72	8
Tổng cộng		990	344	584	62

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/sinh viên.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Thi lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
	- Thi thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề	Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 4 đến 8 giờ/sinh viên
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24h/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoài khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt thăm quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức tại các điểm văn hóa du lịch, các công ty công viên cây xanh, các khu sinh thái;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoài khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)



Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Tổ chức tạo dựng non bộ - tiểu cảnh	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

#### 4. Các chú ý khác:

Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho hoạt động thực hành, thực tập:

- Thực hành Làm vườn - cây cảnh: Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

- Thực tập nghề nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.

- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa:

+ Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập tốt nghiệp cuối khóa.

Khi các trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi quản lý;

Đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: căn cứ vào những nội dung phần tự chọn mà sinh viên đã học ở chương trình trung cấp nghề và căn cứ vào chương trình đào tạo cao đẳng nghề của Cơ sở dạy nghề, sinh viên có thể học một phần hoặc toàn bộ các môn học, mô đun tự chọn./.